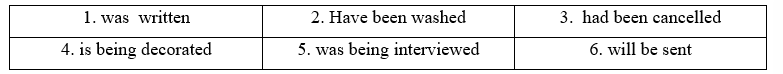
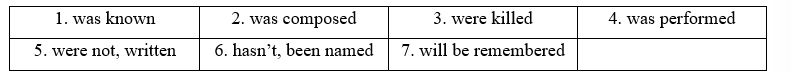
# Unit 7B. Grammar (trang 57)

**SBT Tiếng Anh 11 trang 57 Unit 7B. Grammar - Friends Global**  
**The passive**  
*I can identify and use different forms of the passive.*  
**1. Complete the sentences with the passive form of the verbs in brackets. Use the correct tense.**  
*(Hoàn thành câu với dạng bị động của động từ trong ngoặc. Sử dụng thì đúng.)*  
1 *Romeo and Juliet* \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ probably \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ between 1591 and 1595. (write)  
2 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ these glasses \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?’ ‘No, they haven’t.’ (wash)  
3 He told me that the show \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ two days before. (cancel)  
4 I’m sharing my sister’s bedroom because mine \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ at the moment. (decorate)  
5 I walked into the office while a job applicant \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_. (interview)  
6 The exam results \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ by post next week. (send)  
**Phương pháp giải:**  
Cấu trúc chung của thể bị động: S + tobe + V3/ed + (by O).  
**Lời giải chi tiết:**  
  
1 *Romeo and Juliet* **was** probably **written** between 1591 and 1595.  
*(Romeo và Juliet có lẽ được viết trong khoảng thời gian từ 1591 đến 1595.)*  
2 **Have** these glasses **been washed**?’ ‘No, they haven’t.’  
*(Những chiếc kính này đã được rửa chưa?''Chưa.')*  
3 He told me that the show **had been cancelled** two days before.  
*(Anh ấy nói với tôi rằng buổi biểu diễn đã bị hủy bỏ hai ngày trước đó.)*  
4 I’m sharing my sister’s bedroom because mine **is being decorated** at the moment.  
*(Tôi đang ở chung phòng ngủ của chị tôi vì phòng ngủ của tôi hiện đang được trang trí.)*  
5 I walked into the office while a job applicant **was being interviewed.**  
*(Tôi bước vào văn phòng trong khi một người xin việc đang được phỏng vấn.)*  
6 The exam results **will be sent** by post next week.  
*(Kết quả thi sẽ được gửi qua đường bưu điện vào tuần tới.)*  
**2. Complete the text with the passive form of the verbs in brackets. Use the correct tense.**  
*(Hoàn thành đoạn văn với dạng bị động của động từ trong ngoặc. Sử dụng thì đúng.)*  
Until 2004, composer Mamoru Samuragochi **1**\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (know) as ‘Japan’s Beethoven’. He is most famous for his Hiroshima Symphony No. 1, which **2**\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (compose) in 2003 in memory of the people who **3**\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (kill) by the atomic bomb in 1945. It **4**\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (perform) for the first time in 2008 in front of many of the world’s most important politicians. But Samuragochi now admits that this piece and many others **5**\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in fact \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (not write) by him, but by another musician. The real composer of the musician’s works **6**\_\_\_\_\_\_\_\_\_ yet \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (not name), but a man called Takahashi Niigaki recently claimed to have written them. Although a talented composer, it is sad that in the future Samuragochi **7**\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (remember) as a fraud.  
**Phương pháp giải:**  
Cấu trúc chung của thể bị động: S + tobe + V3/ed + (by O).  
**Lời giải chi tiết:**  
  
**Bài hoàn chỉnh**  
Until 2004, composer Mamoru Samuragochi **1 was known** (know) as ‘Japan’s Beethoven’. He is most famous for his Hiroshima Symphony No. 1, which **2 was composed** (compose) in 2003 in memory of the people who **3 were killed** (kill) by the atomic bomb in 1945. It **4 was performed** (perform) for the first time in 2008 in front of many of the world’s most important politicians. But Samuragochi now admits that this piece and many others **5 were not** in fact **written** (not write) by him, but by another musician. The real composer of the musician’s works **6 hasn’t** yet **been named** (not name), but a man called Takahashi Niigaki recently claimed to have written them. Although a talented composer, it is sad that in the future Samuragochi **7 will be remembered** (remember) as a fraud.  
**Tạm dịch**  
*Cho đến năm 2004, nhà soạn nhạc Mamoru Samuragochi được biết đến như 'Beethoven của Nhật Bản'. Ông nổi tiếng nhất với Bản giao hưởng Hiroshima số 1 của mình, được sáng tác vào năm 2003 để tưởng nhớ những người đã bị bom nguyên tử giết chết vào năm 1945. Nó đã được biểu diễn lần đầu vào năm 2008 trước nhiều chính trị gia quan trọng nhất trên thế giới. Nhưng Samuragochi hiện đã thừa nhận rằng bản nhạc này và nhiều tác phẩm khác thực sự không phải là của ông, mà là của một nhạc sĩ khác. Nhà soạn nhạc thực sự của các tác phẩm của ông vẫn chưa được tiết lộ, nhưng một người tên là Takahashi Niigaki gần đây đã tuyên bố đã viết chúng. Mặc dù là một nhà soạn nhạc tài năng, nhưng đáng tiếc rằng trong tương lai, Samuragochi sẽ được nhớ đến như một kẻ lừa đảo.*  
**3. Write passive sentences with by.**  
*(Viết câu bị động với by.)*  
1 Leonardo da Vinci painted the *Mona Lisa.*  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
2 A group of young men will perform the dance.  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
3 The Queen has opened a new art gallery.  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
4 JJ Abrams directed *Star Wars: The Force Awakens.*  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
5 In *The Theory of Everything*, Eddie Redmayne plays the role of Stephen Hawking.  
**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  
**Phương pháp giải:**  
Cấu trúc câu chủ động: S + V + O.  
=> Cấu trúc câu bị động: O + tobe V3/ed + by S.  
**Lời giải chi tiết:**  
1 Leonardo da Vinci painted the *Mona Lisa.*  
*(Leonardo da Vinci vẽ bức Mona Lisa.)*  
 **The Mona Lisa was painted by Leonardo da Vinci.**  
*(Bức Mona Lisa được vẽ bởi Leonardo da Vinci.)*  
2 A group of young men will perform the dance.  
*(Một nhóm thanh niên sẽ biểu diễn điệu nhảy.)*  
  **The dance will be performed by a group of young men.**  
*(Điệu nhảy sẽ được thực hiện bởi một nhóm nam thanh niên.)*  
3 The Queen has opened a new art gallery.  
*(Nữ hoàng đã mở một phòng trưng bày nghệ thuật mới.)*  
 **A new art gallery has been opened by the Queen.**  
*(Một phòng trưng bày nghệ thuật mới đã được mở bởi Nữ hoàng.)*  
4 JJ Abrams directed *Star Wars: The Force Awakens.*  
*(JJ Abrams đạo diễn Star Wars: The Force Awakens.)*  
 **Star Wars: The Force Awakens was directed by JJ Abrams.**  
*(Star Wars: The Force Awakens được đạo diễn bởi JJ Abrams.)*  
5 In *The Theory of Everything*, Eddie Redmayne plays the role of Stephen Hawking.  
*(Trong Lý thuyết vạn vật, Eddie Redmayne đóng vai Stephen Hawking.)*  
 **The role of Stephen Hawking is played by Eddie Redmayne in The Theory of Everything.***(Vai Stephen Hawking được thủ vai bởi Eddie Redmayne trong The Theory of Everything.)*  
**4. Make the active sentences passive. Use modal verbs. Don’t use by + agent.**  
*(Làm cho câu chủ động bị động. Sử dụng động từ khiếm khuyết. Không sử dụng by + tác nhân.)*  
1 You shouldn’t eat those mushrooms.  
*(Bạn không nên ăn những loại nấm đó.)*  
 Those mushrooms shouldn’t be eaten.  
*(Những loại nấm đó không nên được ăn.)*  
2 They might have cancelled the concert.  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
3 You can often see foxes in my garden.  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
4 We mustn’t use mobiles during lessons.  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
5 You have to write your name in capital letters.  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
6 You can’t trust Toby!  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**Phương pháp giải:**  
Cấu trúc câu chủ động với động từ khiếm khuyết: S + động từ khiếm khuyết + Vo (nguyên thể).  
=> Cấu trúc câu bị động với động từ khiếm khuyết: O + động từ khiếm khuyết + be + V3/ed.  
**Lời giải chi tiết:**  
2 They might have cancelled the concert.  
*(Họ có thể đã hủy buổi hòa nhạc.)*  
 **The concert might have been cancelled.**  
*(Buổi hòa nhạc có thể đã bị hủy bỏ.)*  
3 You can often see foxes in my garden.  
*(Bạn có thể thường xuyên nhìn thấy cáo trong vườn của tôi.)*  
 **Foxes can often be seen in my garden.**  
*(Cáo thường có thể được nhìn thấy trong khu vườn của tôi.)*  
4 We mustn’t use mobiles during lessons.  
*(Chúng ta không được sử dụng điện thoại di động trong giờ học.)*  
 **Mobiles mustn’t be used during lessons.**  
*(Không được sử dụng điện thoại di động trong giờ học.)*  
5 You have to write your name in capital letters.  
*(Bạn phải viết tên mình bằng chữ in hoa.)*  
 **Your name has to be written in capital letters.**  
*(Tên của bạn phải được viết bằng chữ in hoa.)*  
6 You can’t trust Toby!  
*(Bạn không thể tin tưởng Toby!)*  
 **Toby can’t be trusted!**  
*(Toby không thể tin cậy được!)*  
**5. Some of the sentences are incorrect. Rewrite them correctly. Tick the correct sentences.**  
*(Một số câu sai. Viết lại chúng một cách chính xác. Đánh dấu vào câu đúng.)*  
1 I think we are been followed. ☐  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
2 Peugeot cars make in France. ☐  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
3 *Set Fire to the Rain* was written and performed by Adele. ☐  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
4 The book must be returning to the library. ☐  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
5 Was German teaching in your school? ☐  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
6 Oh no! My mobile has been stolen! ☐  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**Lời giải chi tiết:**  
1 I think we are been followed. ☐  
- Giải thích: Cấu trúc bị động thì hiện tại tiếp diễn: S + tobe + being + V3/ed.  
- Câu hoàn chỉnh: I think we are **being** followed.  
*(Tôi nghĩ chúng ta đang bị theo dõi.)*  
2 Peugeot cars make in France. ☐  
- Giải thích: Cấu trúc bị động thì hiện tại đơn: S + tobe + V3/ed.  
- Câu hoàn chỉnh: Peugeot cars **are made in** France.  
*(Xe Peugeot được sản xuất tại Pháp.)*  
3 *Set Fire to the Rain* was written and performed by Adele. ☑  
*(Set Fire to the Rain do Adele sáng tác và trình diễn.)*  
4 The book must be returning to the library. ☐  
- Giải thích: Cấu trúc bị động với động từ khiếm khuyết: S + động từ khiếm khuyết + be + V3/ed.  
- Câu hoàn chỉnh: The book must be **returned** to the library.  
*(Cuốn sách phải được trả lại cho thư viện.)*  
5 Was German teaching in your school? ☐  
- Giải thích: Cấu trúc bị động với thì quá khứ đơn ở dạng câu hỏi: Was / Were + S + V3/ed?  
- Câu hoàn chỉnh: Was German **taught** in your school?  
*(Tiếng Đức có được dạy ở trường của bạn không?)*  
6 Oh no! My mobile has been stolen! ☑  
*(Ôi không! Điện thoại di động của tôi đã bị đánh cắp!)*  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
**Unit 7A. Vocabulary (trang 56)**  
**Unit 7C. Listening (trang 58)**  
**Unit 7D. Grammar (trang 59)**  
**Unit 7E. Word Skills (trang 60)**  
**Unit 7F. Reading (trang 61)**  
**Unit 7G. Speaking (trang 62)**  
**Unit 7H. Writing (trang 63)**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 4: Home  
Unit 5: Technology  
Unit 6: High flyers  
Unit 8: Cities  
Cumulative Review